

Số: 194 /BKHCN-KHTH

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2017

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC

CÔNG VĂN BẢN

Số: 41
Ngày nhận: 25/1/2016

Chuyên: Chính phủ

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế Nhà nước.

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012; Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; Để đảm bảo tiến độ xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách KH&CN năm 2017 theo đúng các quy định của Luật khoa học và công nghệ, Luật ngân sách nhà nước và các nghị định, thông tư hướng dẫn, Bộ KH&CN hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là bộ, ngành, địa phương) xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách KH&CN năm 2017 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ NĂM 2016

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN giai đoạn 2011-2015; tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán 6 tháng đầu năm 2016, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2016, các bộ, ngành, địa phương xây dựng báo cáo đánh giá (có số liệu cụ thể và xây dựng các bảng biểu tại phụ lục đính kèm) theo các nội dung sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về KH&CN

Ngày 01/01/2014, Luật KH&CN số 29/2013/QH13 có hiệu lực. Bộ KH&CN đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành 08 nghị định, đồng thời phối hợp với các bộ, ngành sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định mới của Luật KH&CN. Qua quá trình thực tế triển khai các văn bản quy phạm pháp luật cũng như xây dựng, ban hành các văn bản trong lĩnh vực KH&CN thuộc thẩm quyền, các bộ, ngành, địa phương cần phân tích những thuận lợi, khó khăn, những hạn chế, bất cập khi áp dụng những văn bản này; từ đó đề xuất những kiến nghị sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách KH&CN phù hợp với thực tế của bộ, ngành, địa phương.

Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khoá XI, Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về

việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược quy hoạch phát triển KH&CN của các địa phương, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN, Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN¹.

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình xây dựng và ban hành (bao gồm sửa đổi, hoàn thiện và xây dựng mới) văn bản triển khai Luật KH&CN; đưa ra các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành hoạt động KH&CN; và dự kiến những cơ chế chính sách cần xây dựng trong những năm tiếp theo.

II. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Đánh giá những kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; qua đó nhận xét, đánh giá về tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác đã được cấp văn bằng bảo hộ; doanh thu từ các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại), bao gồm:

- Kết quả nổi bật của việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX), nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, nhiệm vụ bảo tồn và khai thác quỹ gen, nhiệm vụ do Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tài trợ và các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia khác.

- Kết quả nổi bật của việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các Chương trình, Đề án quốc gia về KH&CN: Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, Chương trình nâng cao năng suất chất lượng, sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015, Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015, Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015.

¹Số lượng đề án thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN được phê duyệt, việc thực hiện cơ chế tự chủ về nhiệm vụ, tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, quản lý tổ chức và nhân lực; tự chủ về hợp tác quốc tế, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các kiến nghị; hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN: số lượng, quy mô vốn điều lệ các doanh nghiệp KH&CN đã được thành lập và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, việc thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi trong sử dụng đất đối với các doanh nghiệp KH&CN, những khó khăn, vướng mắc và các đề xuất kiến nghị; số lượng tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN, hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN.

- Kết quả nổi bật thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình KH&CN cấp quốc gia (cấp nhà nước) được Thủ tướng Chính phủ giao cho bộ, ngành chủ trì.

- Đánh giá hiệu quả và tác động của việc thực hiện các dự án KH&CN quy mô lớn vào sản xuất kinh doanh của các ngành liên quan.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả nổi bật của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở, các chương trình phối hợp công tác với Bộ KH&CN (nếu có). Qua đó đánh giá về tác động, đóng góp của những kết quả KH&CN nổi bật đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Các bộ, ngành chủ quản các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đánh giá việc thực hiện các quy định về: tổ chức bộ máy và hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm, hoạt động của hội đồng phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ chế chính sách đối với hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; sản phẩm KH&CN được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu của phòng thí nghiệm trọng điểm; những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục và các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ và kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm.

Riêng đối với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, cần đánh giá bổ sung tình hình thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công trong Chương trình phát triển vật lý đến năm 2020 theo Quyết định số 380/QĐ-TTg ngày 14/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời báo cáo về số lượng công bố công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế ISI giai đoạn 2011-2015 (từng năm và cả giai đoạn).

3. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN. Nội dung đánh giá việc thực hiện các dự án này gắn với tình hình thực tế tại cơ sở, gắn với kết quả hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN, gắn với số nhân lực nghiên cứu của tổ chức KH&CN để xác định, xây dựng các dự án mới từ năm 2017.

4. Đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả chủ yếu, nổi bật của các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: tiêu chuẩn - đo lường - chất

lượng, sở hữu trí tuệ, đánh giá - thẩm định và giám định công nghệ, đổi mới công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, thông tin và thông kê KH&CN, hợp tác quốc tế về KH&CN, doanh nghiệp KH&CN,... Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên khác ở các bộ, ngành, địa phương. Nội dung đánh giá gắn với hoạt động quản lý nhà nước trong phạm vi được giao và trên địa bàn quản lý. Xác định đóng góp của các hoạt động này trong hoạt động sự nghiệp khoa học nói riêng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội nói chung.

5. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương: đánh giá kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN, các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp của các tổ chức KH&CN, trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, chỉ cục tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học hoặc kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN, báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ dự toán, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới.

6. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 theo quy định của Thông tư liên tịch số 121/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính và Bộ KH&CN về hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập; Công văn số 4079/BKH&CN-TCCB ngày 06/11/2014 của Bộ KH&CN về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập. Từ tình hình thực tế triển khai năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016, các bộ, ngành, địa phương đánh giá những thuận lợi, khó khăn để đề xuất các kiến nghị liên quan đến thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2017.

7. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN:

- Các bộ, ngành lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN (bao gồm cả các dự án cho các phòng thí nghiệm trọng điểm),... tình hình phân bổ và giải ngân các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN.

- Các địa phương lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia (nếu có), kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN, tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, chi cho KH&CN cấp huyện,... tình hình phân bổ và giải ngân các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN.

8. Đánh giá hoạt động của quỹ phát triển KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương báo cáo về việc thành lập quỹ phát triển KH&CN, tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN, trong đó cần tập trung vào một số nội dung: tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của quỹ; số lượng kinh phí đã sử dụng, còn dư chuyển năm sau; số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ mới và các kết quả KH&CN khác; các đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn của các nhiệm vụ KH&CN; đánh giá hiệu quả của việc sử dụng quỹ; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết.

Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước báo cáo: tình hình trích lập và sử dụng kinh phí của Quỹ phát triển KH&CN theo quy định của Luật KH&CN, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật²; các đóng góp vào sự phát triển của tập đoàn, tổng công ty thông qua các nhiệm vụ KH&CN do quỹ tài trợ thực hiện; các kiến nghị về cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi cho việc phát huy hiệu quả của quỹ. Các tập đoàn trực thuộc Chính phủ báo cáo trực tiếp về Bộ KH&CN, các bộ chủ quản hướng dẫn và tổng hợp báo cáo của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trực thuộc vào báo cáo chung của bộ, ngành theo.

III. Đánh giá chung

Các bộ, ngành, địa phương tập trung đánh giá kết quả hoạt động KH&CN những kết quả nổi bật từ hoạt động, nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện từ năm 2011 đến nay đã có kết quả. Từ đó nhấn mạnh những đóng góp của hoạt động KH&CN vào phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương. Việc đánh giá thông qua các mục tiêu, chỉ tiêu được đề ra trong Quyết định số 1244/QĐ-TTg, Quyết định số 418/QĐ-TTg nêu trên và các chỉ tiêu khác được đề ra trong hoạt động KH&CN giai đoạn 2011-2015 của bộ, ngành, địa phương.

² Các văn bản hướng dẫn gồm: Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Thủ tướng chính phủ Quy định đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN; Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16/5/2007 của Bộ Tài chính ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ Phát triển KH&CN của doanh nghiệp; Thông tư số 105/2012/TT-BTC ngày 25/6/2012 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2011/TT-BTC.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2017

Ngày 25/6/2015, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật ngân sách nhà nước và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017. Trên cơ sở đó, Bộ KH&CN đề nghị các bộ, ngành, địa phương khi xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2017 đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật KH&CN năm 2013 và các yêu cầu sau:

I. Nguyên tắc chung

1. Xác định tổng mức kinh phí cho hoạt động KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương dự trù tổng mức kinh phí để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017 dựa trên yêu cầu thực hiện Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1318/QĐ-BKH&CN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN và trên cơ sở tổng mức kinh phí được cấp năm 2016 (đối với các tổ chức KH&CN công lập cần căn cứ theo chức năng và nhiệm vụ được giao để xây dựng dự toán theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch 121/TTLT-BTC-BKH&CN). Trường hợp mức kinh phí dự kiến tăng, các bộ, ngành, địa phương thuyết minh rõ lý do và sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên để Bộ KH&CN xem xét, cân đối chung trong tổng thể ngân sách dành cho KH&CN.

2. Xác định cơ cấu kinh phí cho các loại hình nhiệm vụ KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương xác định cơ cấu kinh phí đầu tư phát triển và sự nghiệp KH&CN với cơ cấu kinh phí dành cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh của năm 2017 (trong đó có tỷ lệ phù hợp giữa các đề tài, dự án nghiên cứu và các dự án tăng cường chống xuống cấp sử dụng vốn sự nghiệp khoa học), đề xuất cơ cấu kinh phí cho các năm tiếp theo, bám sát việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược KH&CN, kế hoạch KH&CN hàng năm đã được phê duyệt và các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chính phủ, các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia cấp bách có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hoặc có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, các đề xuất đặt hàng của các tổ chức chính trị - xã hội, các ban của Đảng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp trung ương.

3. Dự toán ngân sách năm 2017 cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh.

Các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017 ngoài phần nội dung, các bảng số liệu về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017 cho các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh (lưu ý những nội dung được giao kinh phí trực tiếp cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý) cần cấu trúc thành 3 phần chính và các nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên triển khai:

Phần 1: Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí dành cho các nhiệm vụ chuyển tiếp thực hiện trong năm 2017.

Phần 2: Danh mục nhiệm vụ và mức kinh phí cho các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến ngày 30/6/2016.

Phần 3: Dự kiến tổng mức kinh phí cho các nhiệm vụ mở mới sau ngày 30/6/2016 và triển khai thực hiện trong năm 2017.

II. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

1. Các bộ, ngành, địa phương xác định kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện năm 2017 theo hướng dẫn tại Điểm 3 Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017 của Phần B, mục I.

2. Việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được thực hiện theo hình thức đặt hàng, được quy định tại Luật KH&CN và được hướng dẫn tại các văn bản dưới luật.

3. Các bộ, ngành, địa phương tổng hợp đề xuất của các tổ chức cá nhân, tổ chức hội đồng đánh giá để đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia với Bộ KH&CN. Đối với các nhiệm vụ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia cấp bách có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước hoặc có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, Bộ KH&CN sẽ chủ động xây dựng nhiệm vụ KH&CN.

Đối với các chương trình KH&CN cấp quốc gia được giao cho các bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý, các bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ KH&CN để tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo nghị định thư: Hồ sơ đề xuất đặt hàng căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BKH&CN của Bộ KH&CN ngày 30/5/2015 về quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN theo nghị định thư. Hồ sơ đề xuất đặt hàng gửi về Bộ KH&CN kèm theo biên bản làm việc của hội đồng tư vấn hoặc ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập, nhóm chuyên gia, tổ chức, cơ quan dự kiến hưởng thụ kết quả nghiên cứu đối với đề xuất đặt hàng. Ngoài việc đáp ứng yêu cầu chung nêu trên, hồ sơ đề xuất đặt hàng phải có căn cứ pháp lý rõ ràng, cam kết của đối tác nước ngoài cùng hợp tác thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo lợi ích của các bên, khai thác được thế mạnh về KH&CN và nguồn tài chính của các nước tiên tiến để giải quyết vấn đề KH&CN cấp thiết trong nước.

Đối với những nhiệm vụ do lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao trực tiếp cho các bộ, ngành và địa phương, các bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức thực hiện như nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh. Trường hợp vượt quá khả năng giải quyết của bộ, ngành và địa phương, đề nghị báo cáo lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao cho Bộ KH&CN xem xét xây dựng nhiệm vụ cấp quốc gia và tổ chức thực hiện.

III. Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Các bộ, ngành, địa phương xác định kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở thực hiện trong năm 2017 theo hướng dẫn tại Điểm 3 Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017 của Phần B, mục I.

2. Các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh được thực hiện theo hình thức đặt hàng, được quy định tại Luật KH&CN và được hướng dẫn tại các văn bản dưới luật.

IV. Các dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương xác định chi tiết nhu cầu kinh phí các dự án chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017.

Các dự án mới cần được thẩm định và phê duyệt sau khi có ý kiến của hội đồng KH&CN cấp bộ, tỉnh, thành phố. Nguyên tắc để xác định các dự án mới gắn với nhu cầu cấp thiết cần cải tạo, nâng cấp chống xuống cấp hoặc cần thiết gắn với nhiệm vụ KH&CN được giao để hoàn thành nhiệm vụ.

Vào thời điểm các bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017 (tháng 7-10/2016), các bộ, ngành, địa phương phải có thuyết minh bổ sung về các dự án có liên quan và thể hiện các dự án đó trong kế hoạch KH&CN năm 2017 của bộ, ngành, địa phương (kèm quyết định phê duyệt dự án).

V. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương xác định chi tiết nhu cầu kinh phí các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu - phát triển chuyển tiếp sang năm 2017. Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt, các bộ, ngành, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN. Các bộ, ngành, địa phương có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu-phát triển đề nghị hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo nguyên tắc: đối tượng đầu tư phải là tổ chức KH&CN có đăng ký hoạt động KH&CN; dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, chiến lược, định hướng phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực và địa phương hoặc phục vụ cho việc triển khai thực hiện các nội dung thuộc các chương trình quốc gia về KH&CN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tránh đầu tư chồng chéo, dàn trải, không hiệu quả.

Việc đề xuất về các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển phải gắn với nhiệm vụ KH&CN cụ thể được giao hoặc chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt trong đó xác định được nhu cầu cần triển khai dự án. Ngoài ra, dự án cần được xem xét cụ thể với năng lực cán bộ nghiên cứu hiện có để khi triển khai dự án có đủ nhiệm vụ và cán bộ cần thiết, đảm bảo dự án đi vào hoạt động hiệu quả.

Các bộ, ngành, địa phương tổng hợp các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN (theo mẫu tại phần phụ lục) gửi về Bộ KH&CN để xem xét, tổng hợp và đề xuất phân bổ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

VI. Xây dựng kế hoạch các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN

Các bộ, ngành, địa phương căn cứ nhu cầu thực tế để xây dựng và đưa vào kế hoạch năm 2017 các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: tiêu

chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ³, đánh giá - thẩm định và giám định công nghệ, đổi mới công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, thông tin và thông kê KH&CN⁴, hợp tác quốc tế về KH&CN, hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn⁵, thanh tra KH&CN, ... và các nhiệm vụ KH&CN không thường xuyên khác ở các bộ, ngành, địa phương.

VII. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2017

Các bộ, ngành, địa phương lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2017 ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, các dự án chuyển tiếp sang năm 2017. Khi lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN, ưu tiên kinh phí sự nghiệp khoa học để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm là kết quả nghiên cứu ứng dụng. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của các bộ, ngành và địa phương bao gồm: chi hoạt động thường xuyên theo chức năng; chi thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước; chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi tăng cường năng lực nghiên cứu, duy tu, bảo dưỡng, chống xuống cấp; chi đầu tư phát triển cho KH&CN. Việc lập dự toán được tiến hành như sau:

1. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thường xuyên theo chức năng thực hiện theo các quy định hiện hành và Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN

³ Xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ; Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ; Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) và Công tác sáng kiến; Các công tác khác về sở hữu trí tuệ

⁴ Công tác thông tin, thống kê liên quan đến hoạt động KH&CN triển khai theo: Nghị định số 11/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/02/2014 về hoạt động thông tin KH&CN; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN của Bộ KH&CN ngày 11/6/2014 quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN; Thông tư số 14/2015/TT-BKHCN của Bộ KH&CN ngày 19/8/2015 về ban hành Hệ thống tiêu chí thống kê ngành KH&CN; Thông tư số 25/2015/TT-BKHCN của Bộ KH&CN ngày 26/11/2015 về quy định chế độ báo cáo thống kê cơ sở về KH&CN; Thông tư số 26/2015/TT-BKHCN của Bộ KH&CN ngày 26/11/2015 về quy định chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về KH&CN áp dụng đối với Sở KH&CN.

Chợ thiết bị và công nghệ (Techmart), sàn giao dịch công nghệ, kết nối cung cầu triển khai theo: Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển thị trường công nghệ đến năm 2020 và Thông tư 32/2015/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ KH&CN về quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường công nghệ đến năm 2020.

⁵ Nhiệm vụ hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường công nghệ nghệ: Tổ chức môi giới, tư vấn, giám định, đánh giá, định giá, kiểm tra, kiểm định, ... tại các địa phương, viện nghiên cứu, hiệp hội, trường đại học; Nhiệm vụ hướng dẫn thành lập và hoạt động của các tổ chức thúc đẩy kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; Nhiệm vụ hướng dẫn thành lập, hoạt động, quản lý, sử dụng các Quỹ Phát triển KH&CN, Quỹ khởi nghiệp sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nhiệm vụ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn; Khảo sát doanh nghiệp tiềm năng trở thành doanh nghiệp KH&CN; đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015; Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13/6/2014.

công lập; Công văn số 4079/BKHCN-TCCB ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức KH&CN công lập.

2. Các bộ, ngành, địa phương xác định dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2017; Danh mục nhiệm vụ và dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN bắt đầu thực hiện trong năm 2017 đã được phê duyệt kinh phí đến tháng 6 năm 2016; Nhu cầu kinh phí dành cho các nhiệm vụ KH&CN để thực hiện đến hết năm 2017 để xác định tổng kinh phí cần thiết thực hiện cho các nhiệm vụ KH&CN năm 2017. Các bộ, ngành, địa phương cần lưu ý làm rõ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia được ủy quyền trực tiếp quản lý và được chuyển tiếp thực hiện sang năm 2017.

3. Dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất – kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN, dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN được lập theo quy định hiện hành.

Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN của các tỉnh, thành phố được sử dụng chi cho các nội dung xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN, tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN (quản lý nhà nước về tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, kiểm soát an toàn bức xạ và hạt nhân v.v...), nâng cấp trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trung tâm thông tin và thống kê KH&CN, thư viện điện tử, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ sinh học, trạm trại thực nghiệm để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN hoặc chuyển giao công nghệ.

VIII. Một số lưu ý đối với kế hoạch KH&CN năm 2017

1. Các bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì tổ chức thực hiện các Chương trình KH&CN cấp quốc gia cần phối hợp với Bộ KH&CN xác định tổng mức (hạn mức) kinh phí trên cơ sở báo cáo theo đề nghị của Bộ KH&CN tại Công văn số 4458/BKHCN-KHTH ngày 18/11/2015 về việc xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình KH&CN quốc gia giai đoạn 2016-2020, tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách của bộ, ngành để Bộ KH&CN làm căn cứ phối hợp với Bộ Tài chính xem xét bố trí kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2017.

2. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN phải bao gồm kinh phí sự nghiệp KH&CN và kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN phù hợp với nội dung kế hoạch và tổng dự toán ngân sách năm 2017 của bộ, ngành, địa phương.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương cần thực hiện lồng ghép, phối hợp giữa các chương trình, đề án, dự án KH&CN và các chương trình, dự án khác để tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho một số lĩnh vực KH&CN phục vụ nâng cao năng suất chất lượng các sản phẩm, hàng hóa trọng điểm, chủ lực của ngành, địa phương.

4. Dự báo kinh phí dành cho KH&CN năm 2017 và các năm tiếp theo gặp nhiều khó khăn. Do vậy các bộ, ngành, địa phương cần xây dựng nhiệm vụ

KH&CN trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải và tập trung giải quyết các mục tiêu, nội dung, sản phẩm cụ thể đảm bảo sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

5. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: ưu tiên cân đối ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm tối thiểu 2% ngân sách địa phương; chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý trích lập quỹ phát triển KH&CN theo quy định của Luật KH&CN và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật (mức trích quỹ đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp ngoài nhà nước; từ 3 đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhà nước).

6. Các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước báo cáo tình hình lập, trích và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của các đơn vị thành viên hàng năm tối thiểu từ 3 đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật KH&CN và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật.

IX. Tiến độ triển khai xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chi hoạt động KH&CN năm 2017

Trước ngày 30/6/2016, các bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2017 của bộ, ngành, địa phương (02 bản) đến Bộ KH&CN (bản mềm xin gửi về địa chỉ: khth@most.gov.vn).

Trường hợp các bộ, ngành, địa phương gửi báo cáo sau ngày 30/6/2016, Bộ KH&CN sẽ không có cơ sở đề xuất phân bổ ngân sách KH&CN của năm 2017.

Bộ KH&CN xin thông báo nội dung kế hoạch KH&CN năm 2017 để các bộ, ngành, địa phương biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các vụ/đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, KHTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Khánh

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên doanh nghiệp, địa chỉ, giấy phép kinh doanh,...</i>
1				
2				
...				
IV	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

UBND tỉnh, thành phố....

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
GIAI ĐOẠN 2015 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2015	6 tháng đầu năm 2016
I	Công tác quản lý KH&CN			
1	Thẩm định dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD		
3	Giám định công nghệ	CN		
II	Công tác an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
2	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
III	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	VB		
2	Số hoạt động đào tạo, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ	HD		
3	Số công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	HD		
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ		
5	Số các dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ	DA		
6	Số sáng kiến được công nhận	SK		
IV	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Biên tập, xử lý, phát hành ấn phẩm thông tin (ấn phẩm giấy, ấn phẩm điện tử, ấn phẩm video, đa phương tiện, ...)	Ấn phẩm, phút		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thu thập, đăng ký giao nộp nhiệm vụ KH&CN (đang tiến hành, kết quả nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu)	Nhiệm vụ		
5	Thống kê KH&CN (số lượng các cuộc điều tra tham gia, số phiếu thu được tương ứng; báo cáo thống kê cơ sở, báo cáo thống kê tổng hợp)	Cuộc điều tra/phiếu điều tra/báo cáo		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
V	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		

2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Quy chuẩn		
4	Số doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước được cấp/gia hạn chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO	DN, đơn vị		
VI	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị được thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		

Bộ

Phụ lục 2

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
GIAO CHO BỘ NGÀNH QUẢN LÝ NĂM 2017**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ tri/Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	KP hỗ trợ từ NSNN		
						Tổng	Đã cấp đến hết năm 2016	
A	Chuyển tiếp sang 2017							
I	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
2	Nhiệm vụ							
II	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
...								
	Tổng số							
B	Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2017							(Ghi rõ nhiệm vụ đã có quyết định, nhiệm vụ chưa có quyết định phê duyệt kinh phí)
I	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
2	Nhiệm vụ							
II	Tên Chương trình							
1	Nhiệm vụ							
...								
	Tổng số							

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 3

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2017**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Chương trình/tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện		Kinh phí			Ghi chú
			Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	KP hỗ trợ từ NSNN Tổng	Đã cấp đến hết năm 2016	
A	Chuyển tiếp sang 2017							
I	Tên Chương trình cấp Bộ, Tỉnh							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
II	Nhiệm vụ							
1	Nhiệm vụ 1							
...								
	Tổng số							
B	Nhiệm vụ mới thực hiện từ 2017							(Ghi rõ nhiệm vụ đã có quyết định, nhiệm vụ chưa có quyết định phê duyệt kinh phí)
I	Tên Chương trình cấp Bộ, Tỉnh							
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
II	Nhiệm vụ							
1	Nhiệm vụ 1							
...								
	Tổng số							

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ CẤP NĂM 2016	DỰ KIẾN KINH PHÍ NĂM 2017
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các nhiệm vụ được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Đề tài KH&CN cấp Quốc gia		
2	Dự án SXTN cấp Quốc gia		
3	Nhiệm vụ hợp tác theo Nghị định thư		
4	Nhiệm vụ KH&CN về Quỹ gen		
5	Các chương trình cấp Nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ		
5.1	Chương trình 1		
5.2	Chương trình 2		
....			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chỉ nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2	Chỉ nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
B	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án1		
2	Dự án2		
...			
	Tổng số		

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2016	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2016	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2016	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2017
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp sang năm 2017 cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
3	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước				
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng				
	Sở hữu trí tuệ				
	Thông tin và thống kê KH&CN				
	An toàn bức xạ và hạt nhân				
	Đào tạo, tập huấn				
	Quản lý công nghệ				
	Thanh tra KH&CN				
	Hợp tác quốc tế				
4	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện				
5	Chi các đơn vị sự nghiệp				
6	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp				
6	Chi khác				
II	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án A				
2	Dự án B				
...					
	Tổng số	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số QĐ, ngày
1	Chương trình Quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (Chương trình gồm 09 dự án thành phần, được giao cho 07 Bộ và UBND tỉnh/thành phố chủ trì)	712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010
2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014
3	Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2016-2020	
4	Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020	
5	Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia đến năm 2020	2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
6	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020	2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
7	Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020	677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011
8	Đề án Hội nhập Quốc tế về khoa học và công nghệ	735/QĐ-TTg ngày 22/5/2011
9	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012
10	Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020	2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013
11	Các nhiệm vụ KH&CN khác: Nhiệm vụ KH&CN hợp tác theo Nghị định thư; Nhiệm vụ KH&CN độc lập (đề tài, dự án KH&CN); Các chương trình KH&CN được phê duyệt năm 2015.	

Lưu ý: Thông tin chi tiết về các Chương trình xem trên website của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN.

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THỦ
TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO BỘ, NGÀNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số Quyết định
I Bộ Công thương		
1	Hệ thống các Đề án, dự án để thực hiện nhiệm vụ: “Phát triển ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong công nghiệp”	01/2006/QĐ-TTg ngày 03/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020	14/2007/QĐ-TTg ngày 25/01/2007
3	Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hoá được đến năm 2020	61/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007
4	Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007
5	Đổi mới và hiện đại hoá công nghiệp trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008
6	Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025	1030/QĐ-TTg ngày 20/7/2009
II Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
1	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020	11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực Thủy sản	97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007
III Bộ Tài nguyên và Môi trường		
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	2630/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2011
IV Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam		
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên (Chương trình Tây Nguyên 3)	2632/QĐ-BKHCN ngày 29/8/2011
V Đại học Quốc gia Hà Nội		
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc	1746/QĐ-BKHCN ngày 28/6/2013
VI Viện Hàn lâm Khoa học và xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh		
	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn	

	đến 2030	
VII	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
1	Chương trình khoa học và công nghệ “Nghiên cứu phát triển Khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”	888/QĐ-BKHCN ngày 04/5/2015
VII	Ủy ban Dân tộc	
1	Chương trình khoa học và công nghệ “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về các dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”	1641/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2015

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU ĐỂ TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT PHÂN BỐ
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

STT	Tiêu chí	Ghi chú
1	Tiêu chí chung	
a	Tiêu chí kết quả, hiệu quả sử dụng ngân sách của năm liền kề (năm 2015) của năm xây dựng kế hoạch của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
-	Tỷ lệ số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh đã hoàn thành nghiệm thu so với tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh được thực hiện	Tỷ lệ %
-	Số kết quả nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu (bao gồm tổng số bài báo chuyên ngành trong nước, quốc tế và các văn bằng sở hữu công nghiệp)	Tổng số
b	Tiêu chí tiềm lực KH&CN	
-	Số các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm thử nghiệm	Tổng số
-	Số các cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật giáo dục đại học	Tổng số
-	Số các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm	Tổng số
-	Số nhân lực khoa học và công nghệ trong các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm thử nghiệm	Tổng số
-	Số nhân lực khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học	Tổng số
-	Số nhân lực khoa học và công nghệ trong các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm	Tổng số
-	Số kinh phí chi cho KH&CN từ ngân sách nhà nước	Tổng số
-	Số kinh phí tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động KH&CN	Tổng số

c	Tiêu chí các tỷ lệ kinh phí chi hoạt động KH&CN	
-	Tỷ lệ giữa kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh so với tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN được giao quản lý (trừ kinh phí các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia)	Tỷ lệ %
-	Tỷ lệ giữa kinh phí sự nghiệp KH&CN so với kinh phí đầu tư phát triển KH&CN	Tỷ lệ %
2	Tiêu chí riêng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương có sử dụng kinh phí hoạt động KH&CN	
-	Số cán bộ, công chức	Tổng số
-	Số đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc	Tổng số
3	Tiêu chí riêng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	
-	Số tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố	Tổng số
-	Số tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tổng số
-	Số nhất tổng số kinh phí bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho địa phương	Tổng số
-	Diện tích của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tổng số
-	Dân số của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tổng số
-	Số đơn vị cấp huyện của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Tổng số

